

# THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Nguyễn Văn Phúc<sup>(1)</sup>  
Lưu Thị Như Quỳnh<sup>(2)</sup>

## Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp cơ bản xác định được 5 yếu tố chính ảnh hưởng tới công tác Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương, trên cơ sở đó, đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả cho thấy: ngoại trừ chương trình môn học chưa mềm dẻo, các yếu tố còn lại đáp ứng cơ bản quá trình GDTC tại Trường.

**Từ khóa:** Yếu tố ảnh hưởng, Giáo dục thể chất, Trường Đại học Hùng Vương...

## Current status of factors affecting physical education of students at Hung Vuong University

### Summary:

Using basic methods to identify 5 main factors affecting the Physical Education of students at Hung Vuong University, on that basis, evaluate the current status of the influencing factors. The results show that: except for the subject program that is not flexible, the remaining factors basically meet the Physical Education process at the School.

**Keywords:** Influencing factors, Physical education, students, Hung Vuong University...

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tế đã chứng minh công tác GDTC trong những năm qua tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp đã và đang giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong việc giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ. GDTC đã tạo ra được sức hút rất lớn trong phong trào rèn luyện thân thể của sinh viên.

Trong những năm qua, công tác GDTC ở Trường Đại học Hùng Vương, tỉnh Phú Thọ đã được quan tâm và đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, hiệu quả công tác GDTC nói chung và chất lượng môn học GDTC, trình độ thể lực chung của sinh viên nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn... Để có căn cứ tác động các giải pháp phù hợp, có hiệu quả nhằm cải thiện các vấn đề này, nghiên cứu đánh giá đúng thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương là cần thiết và cấp thiết.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp Toán học thống kê.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 1. Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

Tiến hành xác định các yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDTC cho sinh viên thông qua tham khảo tài liệu, quan sát sư phạm, phỏng vấn trực tiếp các giảng viên, chuyên gia GDTC, phỏng vấn các giáo viên trên diện rộng bằng phiếu hỏi và sử dụng thuật toán đánh giá độ tin cậy của kết quả. Kết quả xác định được 05 yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDTC cho sinh viên Nhà trường gồm:

- Thực trạng chương trình môn học GDTC
- Thực trạng đội ngũ giáo viên

<sup>(1)</sup>PGS.TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

<sup>(2)</sup>TS, Trường Đại học Hùng Vương

- Thực trạng công trình TDDT
- Thực trạng nhận thức và thái độ học tập môn học GDTC của sinh viên
- Thực trạng hoạt động TDDT ngoại khóa của sinh viên

**2. Đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDTC của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương**

**2.1. Thực trạng chương trình môn học GDTC của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương**

**Bảng 1. Chương trình môn học GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương (Nguồn: Phòng Đào tạo)**

TT	Nội dung	Số tín chỉ	Dạy trực tiếp (tiết)			Tự học (tiết)
			Thực hành	Kiểm tra	Tổng	
1	<b>Bắt buộc</b> (Đội hình đội ngũ; Bài thể dục tay không liên hoàn 80 nhịp; Chạy cự ly ngắn, trung bình.	1	28	2	30	15 <sup>(*)</sup>
2	<b>Tự chọn</b> (Chọn 1 trong 7 môn) Aerobic, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao, Taekwondo	3	84	6	90	45 <sup>(*)</sup>
3	<b>Ngoại khóa</b>	-	-	-	-	-
	<b>Tổng</b>	4	112	8	120	60 <sup>(*)</sup>

(\*) Giờ do sinh viên tự học, không có giáo viên hướng dẫn = 60 phút/tiết và chưa có chương trình thể thao ngoại khóa được xây dựng

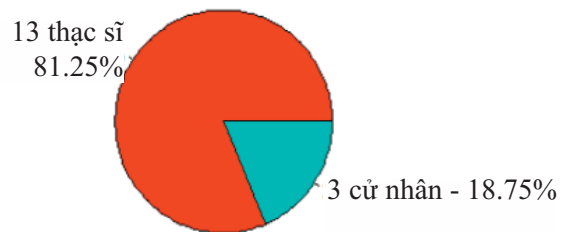
chọn với 3 tín chỉ. Các môn tự chọn gồm: Aerobic, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao, Taekwondo. Như vậy, chương trình môn học GDTC của Trường Đại học Hùng Vương về cơ bản đã đáp ứng được quy định của Bộ GD-ĐT. Tuy vậy, còn tồn tại một số điểm cần tiếp tục được đổi mới. Những hạn chế này sẽ được phân tích chi tiết cụ thể khi đánh giá thực trạng các yếu tố liên quan trong các nội dung dưới đây.

**2.2. Thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy môn học GDTC tại Trường Đại học Hùng Vương**

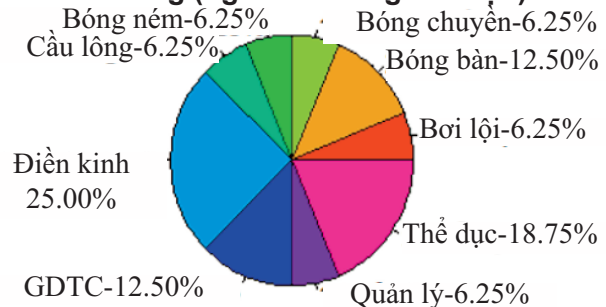
Tiến hành đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên GDTC tại Trường thông qua phân tích hồ sơ giáo viên và phỏng vấn trực tiếp các cán bộ quản lý tại Trường. Kết quả được trình bày tại biểu đồ 1 và biểu đồ 2.

Tiến hành khảo sát thực trạng chương trình môn học GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương thông qua phân tích hồ sơ tại Phòng Đào tạo. Kết quả trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: chương trình môn học GDTC của Trường gồm 4 tín chỉ, mỗi tín chỉ 30 tiết, trong đó có 112 tiết thực hành và 8 tiết kiểm tra. Tổng cộng gồm 120 tiết. Các nội dung chính trong chương trình môn học GDTC gồm các học phần: Bắt buộc với 1 tín chỉ và học phần tự



**Biểu đồ 1. Đặc điểm về trình độ đào tạo của giảng viên Khoa TDDT Trường Đại học Hùng Vương (nguồn: Phòng Đào tạo)**



**Biểu đồ 2. Đặc điểm về chuyên ngành đào tạo của giảng viên Khoa TDDT Trường Đại học Hùng Vương (nguồn: Phòng Đào tạo)**

Qua biểu đồ 1 và biểu đồ 2 cho thấy: Với định hướng của Trường Đại học Hùng Vương là cơ sở đào tạo ứng dụng thì tỷ lệ tiến sĩ phải đạt 25%. Tuy nhiên, hiện tại giảng viên GDTC chủ yếu có trình độ thạc sĩ với 13/16 người chiếm tỷ lệ 81.25% và chưa có giảng viên đạt trình độ tiến sĩ. Thực trạng này sẽ có ảnh hưởng to lớn đến nâng cao chất lượng đào tạo nói chung và xây dựng chương trình tự chọn môn GDTC nói riêng.

Khi xem xét dưới góc độ chuyên ngành đào

**Bảng 2. So sánh thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC với các môn trong chương trình môn học GDTC**

TT	Môn học	Tín chỉ		Giảng viên		Tỷ lệ chênh lệch
		Bắt buộc	Tỷ lệ%	Số lượng	Tỷ lệ%	
1	Bắt buộc (Điền kinh, Thể dục)	1	25	7	43.75	18.75
2	Tự chọn	3	75	9	56.25	-18.75
	<b>Tổng số</b>	<b>4</b>		<b>16</b>		

mức chênh lệch thu được là (+) thì ở môn học đó có sự dư thừa giảng viên hoặc (-) là thiếu giảng viên. Kết quả cho thấy ở môn bắt buộc (môn Điền kinh và Thể dục) là thừa giảng viên, chiếm tỷ lệ 18.75%; Nội dung môn tự chọn là thiếu giảng viên, chiếm 18.75%. Thực tế các nội dung môn học tự chọn (Aerobic, Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao, Taekwondo) là chủ đạo song lại ở tình trạng thiếu giảng viên, nội dung bắt buộc lại thừa giảng viên. Trong thực tế, giảng viên được đào tạo Ngành GDTC hay HLTT đều giảng dạy được bắt buộc, song với các môn tự chọn thì đòi hỏi cần có trình độ chuyên môn cao hơn. Kết quả này cho thấy có sự mất cân đối trong phân phối giảng viên GDTC với việc thực thi chương trình môn GDTC. Do vậy, cần có những điều chỉnh quản lý phù hợp với mục tiêu đào tạo, mà một trong những mục tiêu chủ chốt là gia tăng số lượng môn thể thao tự chọn. Như vậy, gia tăng số lượng môn GDTC tự chọn bước đầu cho thấy giải quyết được nhiều vấn đề về: cơ cấu đội ngũ giảng viên GDTC, nâng cao chất lượng chương trình môn học GDTC, phát huy điểm mạnh về độ tuổi giảng viên, từng bước giảm tỷ lệ giảng viên/sinh viên dưới góc độ chuyên môn thể thao...

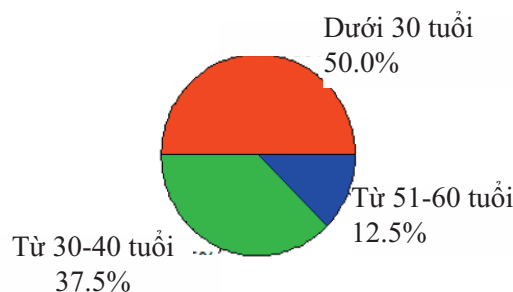
tạo của giảng viên cho thấy có thể phân nhóm như sau: Bơi lội, Bóng ném, Cầu lông, Bóng chuyền, quản lý chiếm tỷ lệ từ 6.25%; bóng bàn, GDTC chiếm 12.50%; và nhóm lớn nhất gồm Điền kinh, Thể dục chiếm từ 18.75 – 25.00%. So sánh với chương trình môn học GDTC cho thấy cơ bản có sự phù hợp. Tuy nhiên, việc phân bổ số lượng giảng viên so với số tín chỉ đào tạo có sự mất cân bằng và cần được xem xét cụ thể. Vấn đề này được phân tích ở bảng 2.

Từ kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: Nếu

Về đánh giá thực trạng đội ngũ giảng viên phân bố theo độ tuổi được trình bày ở biểu đồ 3.

Kết quả thu được ở biểu đồ 3 cho thấy: Phân bố giảng viên GDTC của Trường Đại học Hùng Vương chưa đồng đều ở các nhóm tuổi, chủ yếu ở nhóm <30 tuổi chiếm 50.0%, 30-40 tuổi chiếm tỷ lệ 37.5% và nhóm tuổi 51-60 chiếm 12.5%. Kết quả cho thấy đây là một thách thức, tuy nhiên cũng là thế mạnh trong triển khai các môn GDTC tự chọn đòi hỏi tính năng động và nhiệt tình của đội ngũ giảng viên.

**2.3. Thực trạng công trình TĐTT của Trường Đại học Hùng Vương**



**Biểu đồ 3. Tỷ lệ về độ tuổi của giảng viên Khoa TĐTT (Nguồn: Phòng Đào tạo)**

Thống kê công trình thể thao của Trường Đại học Hùng Vương được trình bày ở bảng 3.

**Bảng 3. Công trình TDTT phục vụ giảng dạy môn GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương (nguồn số liệu: Khoa TDTT)**

TT	Công trình	Số lượng	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Mức độ đáp ứng	Phục vụ	
					Giảng dạy	Ngoại khóa
1	Sân Cầu lông	4	300	Thấp		
2	Sân Bóng chuyền	2	600	Thấp		×
3	Sân Bóng đá mini	1	300	Thấp		×
4	Nhà đa năng	1	500	Thấp	×	

Qua bảng 3 cho thấy: Công trình thể thao phục vụ giảng dạy môn GDTC của Trường Đại học Hùng Vương là rất hạn hẹp, thiếu cả về số lượng ở từng môn thể thao cụ thể và sự đa dạng để cho các môn thể thao khác. Đây là vấn đề hết sức bất cập và lý giải việc xây dựng chương trình môn GDTC chỉ bao gồm môn bóng chuyền và cầu lông để phù hợp với điều kiện thực tiễn. Nói cách khác, sinh viên chỉ có thể lựa chọn được 2 môn Bóng chuyền và Cầu lông là môn thể thao tự chọn. Tuy nhiên, hiện cả hai môn học Bóng chuyền và Cầu lông đều chưa xây dựng chương trình tập luyện ngoại khóa dù bước đầu đã có sự tham gia tập luyện của sinh viên và hướng dẫn của giảng viên. Do vậy, xây dựng chương trình tập luyện năng khiếu môn học Bóng chuyền và Cầu lông cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương là hết sức cần thiết và phù hợp với điều kiện công trình thể thao hiện có.

#### 2.4. Thực trạng nhận thức và thái độ học tập môn học GDTC của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

Tiến hành khảo sát 186 sinh viên của Trường về ý nghĩa môn học GDTC và thái độ học tập môn học GDTC. Điểm đánh giá: Cao: 5 điểm; Trung bình: 3 điểm và thấp 1 điểm. Kết quả được trình bày tại bảng 4 và bảng 5.

Kết quả thu được ở bảng 4 cho thấy các câu hỏi sinh viên về ý nghĩa môn học GDTC đều có giá trị trung bình từ 3.94 đến 4.27 với độ lệch chuẩn từ 0.79 đến 1.14. Như vậy đều nằm trong mức đánh giá đồng ý (3.41 - 4.20) và rất đồng ý (4.21 - 5.00). Có 5/7 câu trả lời có tỷ lệ % từ 86.56 đến 94.09 ở phía đồng ý cao (C5), còn lại 2/7 câu có mức đồng ý cao (C5) từ 52.69 – 56.99%. Như vậy, đa số sinh viên có nhận thức về ý nghĩa môn học GDTC ở Trường.

**Bảng 4. Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa môn học Giáo dục thể chất (n = 186)**

TT	Câu hỏi	Mức độ đánh giá %			Điểm	
		Thấp	Trung bình	Cao	$\bar{x}$	$\delta$
1	Nâng cao sức khỏe bản thân	4.3	1.61	94.09	4.27	0.79
2	Là nền tảng để đạt kết quả cao trong học tập	10.22	3.23	86.56	4.02	1.00
3	Môn học hữu ích trong chương trình đào tạo	9.14	2.15	88.71	4.16	1.01
4	Môn học mang lại kỹ năng cần thiết cho cuộc sống	5.91	41.4	52.69	3.89	1.14
5	Rèn luyện tính tự giác, thử thách	4.3	4.84	90.86	4.25	0.82
6	Phát triển toàn diện	4.3	3.76	91.94	4.22	0.8
7	Nâng cao kiến thức về rèn luyện sức khỏe	5.91	37.1	56.99	3.94	1.12

**Bảng 5. Thái độ của sinh viên đối với môn học Giáo dục thể chất (n = 186)**

TT	Câu hỏi	Mức độ đánh giá %			Điểm	
		Thấp	Trung bình	Cao	$\bar{x}$	$\delta$
1	Là môn học tự chọn yêu thích	33.87	51.08	15.05	2.82	0.89
2	Hứng thú với các trải nghiệm tập luyện	10.22	2.15	87.63	3.97	0.93
3	Thích thú khi học môn thể thao tự chọn	5.91	54.3	39.78	3.6	1.06
4	Vui mừng khi vượt qua các bài tập	8.06	13.98	77.96	4.14	1.06
5	Nỗ lực bản thân khi tập luyện	9.14	34.41	56.45	3.6	0.97
6	Không hứng thú tham gia tập luyện	10.22	22.58	67.2	3.78	1.02
7	Luôn mong chờ học môn thể thao tự chọn	10.22	18.28	71.51	4.2	1.17
8	Luôn tích cực trong giờ tập luyện	5.91	12.37	81.72	4.33	1
9	Thường thấy giờ học trôi nhanh	9.68	11.29	79.03	3.86	0.94
10	Băn khoăn khi chưa làm được	9.14	47.31	43.55	3.62	1.13
11	Nuối tiếc khi phải kiến tập	9.14	6.45	84.41	3.98	0.98

Từ kết quả thu được ở bảng 5 cho thấy:

Các câu hỏi về thái độ của sinh viên đối với môn học GDTC có kết quả trả lời ở 10/11 câu hỏi có giá trị trung bình từ 3.60 đến 4.33 với độ lệch chuẩn từ 0.89 đến 1.17. Mức điểm trung bình thu được từ kết quả phỏng vấn khi đối chiếu với tiêu chuẩn của thang đo Likert 5 bậc thì điểm trung bình đều nằm trong khoảng mức đánh giá rất đồng ý. Chỉ có 1/11 câu hỏi có kết

quả nhỏ hơn 3.60 điểm và thuộc mức đánh giá đồng ý. Như vậy, phần lớn sinh viên có thái độ tích cực đối với môn học GDTC

**2.5. Thực trạng hoạt động TDDT ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương**

Tiến hành khảo sát thực trạng môn thể thao ngoại khóa của 186 sinh viên tham gia hoạt động TDDT NK thông qua phỏng vấn bằng phiếu hỏi. Kết quả được trình bày tại bảng 6.

**Bảng 6. Kết quả lựa chọn môn thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương (n = 186)**

TT	Hoạt động ngoại khóa	Thứ hạng	Lựa chọn	
			n	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Môn thể thao</b>			
1.1	Bóng chuyên	1	60	32.26
1.2	Cầu lông	2	58	31.18
1.3	Aerobic	3	18	9.68
1.4	Bóng đá	4	17	9.14
1.5	Bóng rổ	5	12	6.45
1.6	Taekwondo	6	11	5.91
1.7	Khiêu vũ thể thao	7	10	5.38
<b>II</b>	<b>Hình thức tổ chức</b>			
2.1	Tự tập theo nhóm	1	160	86.02
2.2	Tập với người hướng dẫn	2	26	13.98
2.3	Nhà trường tổ chức	3	0	-



**Bóng rổ là một trong các môn thể thao nhằm nâng cao chất lượng tập luyện ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương**

Qua bảng 6 cho thấy: Trong 186 sinh tham gia tập luyện TDDT ngoại khóa, mức độ lựa chọn các môn thể thao ngoại khóa của sinh viên là khác nhau, song xếp theo tỷ lệ % ở mức “Lựa chọn” thì thứ hạng như sau:

Ở nhóm cao nhất với 2 môn Bóng chuyền và Cầu lông chiếm tỷ lệ từ 31.18 đến 32.26%.

Ở nhóm thứ hai gồm 2 môn là Aerobic (9.68%) và môn bóng đá (9.14%).

Ở nhóm cuối gồm các môn: Bóng rổ, Taekwondo, Khiêu vũ thể thao chiếm tỷ lệ 5.38 đến 6.45%.

Về các hình thức tập luyện ngoại khóa cho thấy: chủ yếu sinh viên tự tập theo nhóm chiếm tỷ lệ 86.02%; tập với người hướng dẫn chiếm tỷ lệ thấp hơn với 13.98%; còn theo hình thức nhà trường tổ chức với một chương trình tập luyện cụ thể hiện chưa thực hiện.

Căn cứ vào ý kiến lựa chọn của sinh viên cho thấy sự cần thiết phải có chương trình để nâng cao chất lượng tập luyện ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương. Trong đó ưu tiên hàng đầu ở giai đoạn hiện nay là hai môn Bóng chuyền và Cầu lông.

**KẾT LUẬN**

1. Quá trình nghiên cứu xác định được 5 yếu tố chính ảnh hưởng tới công tác GDTC cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

2. Tiến hành đánh giá thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới công tác GDTC cho sinh viên Nhà trường. Kết quả cho thấy: Chương trình môn

GDTC chưa mềm dẻo; Sinh viên có nhận thức, thái độ phù hợp với môn GDTC và tập luyện ngoại khóa, song chưa tích cực chuyển đổi thành hành động; Sinh viên tham gia tập luyện TDDT ngoại khóa cao ở môn Bóng chuyền và Cầu lông, Các yếu tố đảm bảo điều kiện thực hiện về giảng viên và công trình TDDT là khả thi...

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.*

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số 72/2008/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2008 Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên.*

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học.*

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 Quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học.*

**(Bài nộp ngày 17/1/2025, phản biện ngày 5/2/2025, duyệt in ngày 28/2/2025**

**Chịu trách nhiệm chính: Lưu Thị Như Quỳnh  
Email: luuthinhquynh0209@gmail.com)**

**1. Ban biên tập**

Phấn đấu hoàn thành tốt mục tiêu, nhiệm vụ năm 2025

**LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO**

**4. Gia Linh**

Sự kiện tiêu biểu năm 2024 của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**8. Trương Quốc Uyên**

Đoàn vận động viên Thể thao thành tích cao Việt Nam tham dự Đại hội GANEFO Châu Á tổ chức ở Campuchia thực hiện tốt lời Bác dạy

**10. Nguyễn Văn Phúc**

Nhiệm vụ trọng tâm của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh năm 2025

**12. Trần Trung; Nguyễn Thị Lan Anh**

Định hướng hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh 2025

**15. Đặng Văn Dũng; Đinh Quang Ngọc**

Định hướng hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh năm 2025

**19. Đặng Hoài An**

Mục tiêu và định hướng công tác đào tạo vận động viên tại Trung tâm Đào tạo Vận động viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh năm 2025

**21. Trần Đức Thọ**

Một số kết quả hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao người khuyết tật năm 2024

**BÀI BÁO KHOA HỌC**

**25. Lưu Đình Tài; Lưu Quốc Hưng**

Đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực hoạt động thể thao mạo hiểm tại vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

**30. Nguyễn Văn Phúc; Lưu Thị Như Quỳnh**

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới công tác Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

**36. Nguyễn Văn Hòa; Lê Văn Học**

Thực trạng công tác dạy bơi trườn sấp cho trẻ em lứa tuổi 10-12 Câu lạc bộ bơi thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**40. Đặng Danh Nam**

Xây dựng chương trình ngoại khóa môn Võ cổ truyền Việt Nam cho sinh viên Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

**44. Trịnh Ngọc Hoàng; Nguyễn Trung Kiên; Vũ Việt Bảo**

Hiệu quả chương trình huấn luyện khả năng linh hoạt chuyên môn cho nam vận động viên Karate nội dung đối kháng tỉnh Bình Dương

**49. Phùng Kim Giang**

Lựa chọn test đánh giá trình độ thể lực chuyên môn của nữ vận động viên vật tự do lứa tuổi 16-17 Đội tuyển trẻ Quốc gia

**52. Đinh Quang Ngọc**

Đặc điểm tâm lý của vận động viên súng ngắn và súng trường đội tuyển Bắn súng Quốc gia Việt Nam

**56. Trần Vũ Phương**

Mối quan hệ giữa mức độ tập luyện và sức khỏe tim mạch ở người cao tuổi

**60. Đào Chánh Thức; Châu Khon**

Ảnh hưởng của chương trình tập luyện một năm đến các chỉ số sinh lý và hình thái của vận động viên đội tuyển Bóng chuyền nam Trường Đại học An Giang

**TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT**

**64. Đỗ Hữu Trường**

Công đoàn Trường Đại học TDTT Bắc Ninh phấn đấu hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Công đoàn Khóa XXV, nhiệm kỳ 2023-2028

**67. Đỗ Xuân Đặng**

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh tổ chức thành công Hội nghị Khoa học Quốc tế với chủ đề: “Phát triển kinh tế thể thao: Đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững”

**68. Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Thị Phương Thảo**

Bài tập giãn cơ các nhóm cơ lưng

70. Tổng hợp các bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đào tạo và Huấn luyện thể thao năm 2024

**80. Thẻ lệ viết và gửi bài.**

**1. Editorial board**

Strive to successfully complete the goals and tasks of 2025

**THEORY AND PRACTICE OF SPORTS****4. Gia Linh**

Typical events in 2024 of Bac Ninh Sports University

**8. Truong Quoc Uyen**

Vietnamese high - performance athletes attend GANEFO Asia Congress held in Cambodia offers good advice

**10. Nguyen Van Phuc**

Key tasks in developing Bac Ninh Sports University in 2025

**12. Tran Trung; Nguyen Thi Lan Anh**

Orientation of training activities and international cooperation of Bac Ninh Sports University in 2025

**15. Dang Van Dung; Dinh Quang Ngoc**

Orientation of Science and Technology activities of Bac Ninh Sports University in 2025

**19. Dang Hoai An**

Goals and orientations of athlete training at the Athlete Training Center of Bac Ninh Sports University in 2025

**21. Tran Duc Tho**

Some results of activities in the field of sports for people with disabilities in 2024

**ARTICLES****25. Luu Dinh Tai; Luu Quoc Hung**

Proposing solutions to develop human resources for adventure sports activities in the Northern Midlands and Mountains

**30. Nguyen Van Phuc; Luu Thi Nhu Quynh**

Current status of factors affecting physical education of students at Hung Vuong University

**36. Nguyen Van Hoa; Le Van Hoc**

Current status of teaching front crawl swimming to children aged 10-12 at Vinh Yen city swimming club, Vinh Phuc province

**40. Dang Danh Nam**

Building an extracurricular program of Vietnamese traditional martial arts for students of the Vietnam Academy of Traditional Medicine

**44. Trinh Ngoc Hoang; Nguyen Trung Kien; Vu Viet Bao**

Effectiveness of professional flexibility training program for male Karate athlete in combat content of Binh Duong province

**49. Phung Kim Giang**

Select test to assess the physical fitness level of female freestyle wrestlers aged 16-17 of the National Youth Team

**52. Dinh Quang Ngoc**

Psychological characteristics of Vietnam National Team pistol and rifle athletes

**56. Tran Vu Phuong**

The relationship between exercise level and cardiovascular health in older adults

**60. Dao Chanh Thuc; Chau Khon**

The effect of a one-year training program on physiological and morphological indicators of athletes of the men 's volleyball team of An Giang University

**NEWS - EVENTS AND PEOPLE****64. Do Huu Truong**

The Trade Union of Bac Ninh Sports University strives to fulfill the goals of the Resolution of the 25th Trade Union Congress, term 2023-2028

**67. Do Xuan Dang**

Bac Ninh Sports University successfully organized the International Scientific Conference with the theme: "Sports economic development: Innovation to meet sustainable development requirements"

**68. Pham Tuan Dung; Nguyen Thi Phuong Thao**

Back muscle stretching exercises

**70.** Summary of articles published in the Journal of Scientific Training and Sports Coaching in 2024

**80. Rules of writing and posting.**





**Tạp chí KHOA HỌC**

# **ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO**

**JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING**

**Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University**

**Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

ISSN 1859-4417

Số 1 -2025  
(83)

